TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ B** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ- ST.
Ngày: 15/3/2022.
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B – TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Lương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nông Trung Kiên;

2. Bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lường Văn Đoản – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Bà Nhữ Thị Thanh Nhàn - Kiểm sát viên.

Ngày 15/3/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2021/TLST – HNGĐ ngày 25/10/2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXX - ST ngày 25/01/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2022/QĐST - HPT ngày 25/02/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị V - Sinh năm 1992."có mặt".
Nơi ĐKHKTT: Bản T X, xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên
Chỗ ở: Bản N H, xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh Lò Văn T - Sinh năm 1990."vắng mặt".
Địa chỉ: Bản T X, xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 25/10/2021 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Đ B, chị Lò Thị V (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Thiết lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Sam Mứn (Nay là xã P L), huyện Đ B, tỉnh Điện Biên từ ngày 04/8/2010. Trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, thường xuyên xảy ra cãi cọ nhau, chúng tôi đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay không còn đi lại quan tâm gì đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Thiết.

2. Về con chung: Chị Vân khai vợ chồng có 02 con chung là: Lò Thị Khánh Thi, sinh ngày 21/07/2011 và Lò Thị Triệu Vy, sinh ngày 14/01/2019.

Chị Vân có nguyện vọng xin được nuôi con chung là cháu Vy và anh Thiết sẽ nuôi cháu Thi và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại Biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên ngày 28/10/2021 của cháu Thi là có nguyện vọng được ở cùng với bố vì từ trước kia cho đến nay cháu vẫn ở cùng với bố và cháu còn đi học.

3.Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

Đối với bị đơn Lò Văn T: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự, các đương sự đã nhận được thông báo của Tòa án, nhưng không có ý kiến gì. Sau đó Tòa án đã tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật như: Thông báo cho các đương sự đến Tòa án để viết bản tự khai, cung cấp tài liệu chứng cứ, yêu cầu tại Tòa án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Những thủ tục thông báo này Tòa án đã gửi bảo đảm qua đường bưu điện hoặc được niêm yết theo đúng quy định của pháp luật. Nhưng bị đơn không thực hiện và cũng không có ý kiến gì.

Tại Biên bản xác nhận tình trạng hôn nhân có xác nhận của UBND xã P L ngày 06/01/2022 đã xác định sau khi đăng ký kết hôn hai vợ chồng ở với nhau tại gia đình bố mẹ chồng, sau đó hai vợ chồng sống không hạnh phúc và sống ly thân nhau, chị Vân đã đi về nhà bố mẹ đẻ ở Bản N H, xã P L. Anh Thiết vẫn ở nhà cùng với bố mẹ đẻ và con là Lò Thị Khánh Thi ở Bản T X, xã P L, huyện Đ B.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ B: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Ngoài ra còn một số sai sót nhưng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Ngày 25/02/2022, kiểm sát viên đã ban hành yêu cầu xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ nhưng Thẩm phán không thu thập được tài liệu, chứng cứ nào khác nhưng không thông báo lại cho VKS biết, vi phạm khoản 2 Điều 22 Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-VKSNDTC-TANDTC quy định việc phối hợp giữa VKSND và TAND trong việc thi hành một số quy định của BLTTDS.

Hướng giải quyết vụ án: Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 235, Điều 264 và Điều 267/BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Cho chị Lò Thị V được ly hôn với anh Lò Văn T.

Về con chung: Anh Thiết vắng mặt tại phiên tòa, quá trình giải quyết vụ án anh Thiết không có ý kiến gì về việc nuôi con, căn cứ vào tình hình hiện tại cháu Thi đang ở cùng với bố và nguyện vọng được sống cùng với bố khi bố mẹ ly hôn, anh Thiết có công việc và thu nhập ổn định. Chị Vân có nguyện vọng nuôi cháu Vy, còn cháu Thi cho bố nuôi dưỡng. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, căn cứ các Điều 81, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Tòa án xem xét giao con cho người nuôi dưỡng theo đúng quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Lò Thị V được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật:

Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Lò Thị V, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn; tranh chấp về nuôi con.

[2].Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Vân xin ly hôn với anh Thiết, anh Thiết có hộ khẩu thường trú tại xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ B theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị Vân và anh Thiết kết hôn năm 2010, đến năm 2021 thì chị Vân khởi kiện xin ly hôn, nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vân và anh Thiết lấy nhau có đăng ký kết hôn. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, dẫn đến hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không thể chung sống với nhau và dẫn đến hai người sống ly thân từ đầu năm 2021, từ đó cho đến nay hai người không còn quan tâm đến nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Vân và anh Thiết đang trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Vân xác định tình cảm của mình đối với anh Thiết không còn nữa, hai người không còn thể hiện sự quan tâm đến nhau. Tại phiên tòa chị Vân vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thiết. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và để giải phóng cho chị Vân khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Vân và áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa chị Lò Thị V và anh Lò Văn T.

[5]. Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung là cháu: Lò Thị Khánh Thi, sinh ngày 21/07/2011 và Lò Thị Triệu Vy, sinh ngày 14/01/2019.

Chị Vân có nguyện vọng xin được nuôi con chung là cháu Vy và anh Thiết sẽ nuôi cháu Thi và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại Biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên ngày 28/10/2021 của cháu Thi là có nguyện vọng được ở cùng với bố vì từ khi bố mẹ cháu sống ly thân cho đến nay cháu vẫn ở cùng với bố và cháu còn đi học.

Hội đồng xét xử xét thấy chị Vân và anh Thiết đều có thu nhập ổn định, đều có khả năng nuôi con chung, hơn thế nữa việc nuôi con là trách nhiệm, nghĩa vụ của bố mẹ và nguyện vọng của chị Vân và cháu Thi là tự nguyện, đúng quy định của pháp luật, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Vân và nguyện vọng của cháu Thi, nên giao cháu Thi cho anh Thiết trực tiếp chăm sóc, giáo dục; còn chị Vân được giao cháu Vy để chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Vân không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6].Về tài sản:

[6.1]. Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không có.

[6.2]. Tài sản chung, diện tích ruộng, nương: Không có.

[7]. Về án phí: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích cho nguyên đơn về việc miễn nộp tiền tạm ứng án phí nhưng nguyên đơn đã tự nguyện

nộp tiền tạm ứng án phí và tại phiên tòa nguyên đơn có ý kiến là nguyên đơn tự nguyện chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử chấp nhận việc chị Lò Thị V tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0004827 ngày 25/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, chị Vân đã nộp đủ án phí DSST.

Đối với bị đơn Lò Văn T: Không có ý kiến gì và cũng không tham gia các phiên họp, hòa giải và phiên tòa do Tòa án tiến hành theo quy định của pháp luật, gây cản trở hoạt động tố tụng của Tòa án và của đương sự khác. Điều này chứng tỏ bị đơn tự tước đi quyền, nghĩa vụ của mình trong thời gian giải quyết vụ án. Hơn thế nữa việc bị đơn không đến Tòa án theo giấy thông báo, triệu tập của Tòa án còn thể hiện bị đơn không tôn trọng Tòa án, không chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã gửi quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho các đương sự, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. HĐXX căn cứ Khoản 3 Điều 228/BLTTDS, Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Lò Văn T.

Đối với yêu cầu xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ của Kiểm sát viên đối với bị đơn và một số vấn đề có liên quan thì sau khi xem xét Thẩm phán thấy không cần thiết vì căn cứ Điều 6 của Bộ luật tố tụng dân sự về việc cung cấp chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự. Tòa án có trách nhiệm hỗ trợ đương sự trong việc thu thập chứng cứ và chỉ tiến hành thu thập, xác minh chứng cứ trong những trường hợp do Bộ luật này quy định. Đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 235, Điều 264 và Điều 267/BLTTDS;

- Áp dụng: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

1- Tuyên xử: Cho chị Lò Thị V được ly hôn với anh Lò Văn T.

2 - Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Vân, giao con chung là cháu Lò Thị Triệu Vy, sinh ngày 14/01/2019 cho chị Vân trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Giao con chung là cháu Lò Thị Khánh Thi, sinh ngày 21/7/2011 cho anh Thiết trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Chấp nhận yêu cầu của chị Vân về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3- Về Tài sản: Không xem xét, giải quyết.

4- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Lò Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0004827 ngày 25/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, chị Vân đã nộp đủ án phí DSST.

5- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKS huyện Đ B;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã P L;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Lương

HỘI THẨM NHÂN DÂN	CHỦ TỌA	HỘI THẨM NHÂN DÂN
Nông Trung Kiên	Lường Văn Lương	Nguyễn Thị Tâm